

CẬP NHẬT CÁC LOÀI CHUỒN CHUỒN (Odonata) CÓ NGUY CƠ TUYỆT CHỦNG CẦN ƯU TIÊN BẢO VỆ Ở VIỆT NAM

ĐỖ MẠNH CƯƠNG

Viện Vệ sinh phòng dịch Quân đội

Khu hệ chuồn chuồn Việt Nam được điều tra tích cực trong vòng 20 năm trở lại đây, khởi đầu bằng loạt công trình của Asahina 1995, 1996; Karube 1995-2004; Do 2005-2013; từ đó danh sách các loài chuồn chuồn Việt Nam liên tục được cập nhật, bổ sung các loài ghi nhận mới và mô tả mới cho khoa học hàng năm; tới nay số lượng các loài chuồn chuồn ghi nhận được ở Việt Nam đã lên tới trên 300 loài. Năm 2011, lần đầu tiên các loài chuồn chuồn của Việt Nam có trong danh sách các loài cần được ưu tiên bảo vệ của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế (IUCN) chính thức công bố tại Hội nghị Đánh giá mức độ các loài thủy sinh vật nguy cấp khu vực Đông Dương tại Viên Chăn, Lào.

Trong phạm vi của đề tài độc lập cấp Nhà nước mã số ĐTDL.2011-G/23; tác giả đã xem xét đánh giá mức độ đe dọa tuyệt chủng của 20 loài chuồn chuồn dựa theo tiêu chuẩn đánh giá của IUCN áp dụng cho khu hệ Việt Nam. Trong bài báo này, ngoài 20 loài đã đề xuất, 2 loài chuồn chuồn mới cho khoa học năm 2012, 2013 sẽ được bổ sung vào danh sách các loài cần được ưu tiên bảo vệ và xem xét để cập nhật vào Sách Đỏ Việt Nam trong những lần bổ sung, chỉnh lý tiếp theo.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Theo các thứ hạng và tiêu chuẩn của IUCN, được hướng dẫn trong “Guidelines for Using the IUCN Red List Categories and Criteria, Version 8.0 (March 2010)”, các loài chuồn chuồn được xem xét đánh giá và xếp hạng theo các mức NT (Sắp bị đe dọa), VU (Sẽ nguy cấp), EN (Nguy cấp), CR (Rất nguy cấp) và DD (Thiếu dữ liệu).

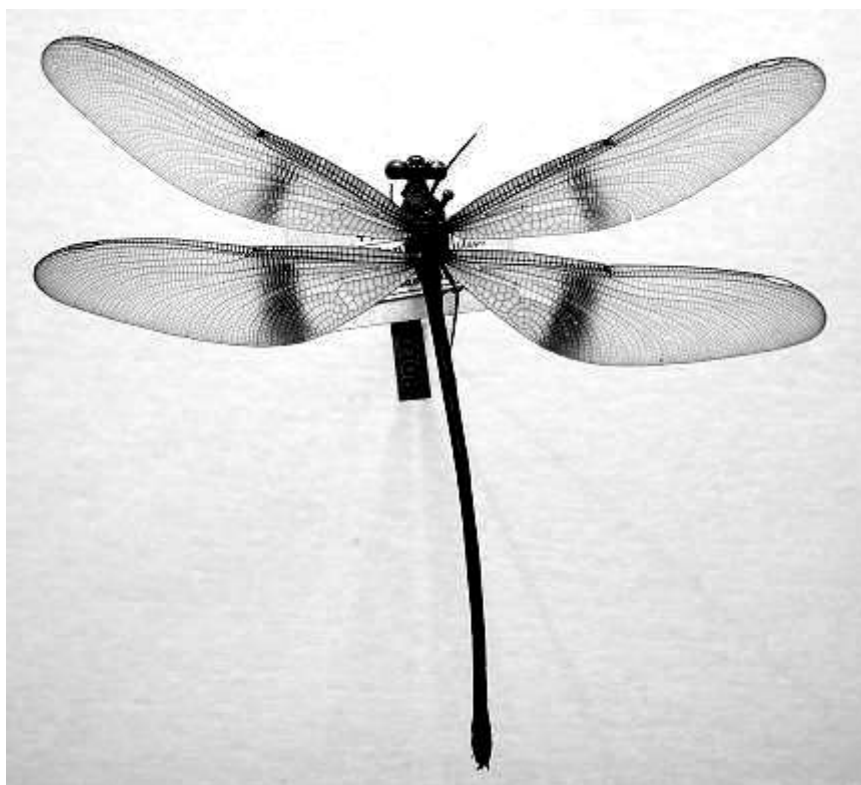
II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng số 22 loài thuộc 7 họ chuồn chuồn đã được xem xét, đánh giá nguy cơ tuyệt chủng để đề xuất bổ sung cho Sách Đỏ Việt Nam như sau:

HỌ CALOPTERYGIDAE

1. *Echo maxima* Martin, 1904

Loài được Martin ghi nhận và mô tả dựa trên 1 cá thể cái duy nhất năm 1904 tại Than Moi (địa danh gốc: Than Muội) Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn. Từ đó tới nay chưa có ghi nhận nào thêm về loài. Nơi sống của loài này tại địa điểm ghi nhận mẫu chuẩn đã hoàn toàn bị phá hủy. Các đợt điều tra tìm kiếm loài này từ năm 2006 đến 2010 do Matti Hamalainen và Đỗ Mạnh Cường tiến hành ở tất cả các địa điểm khả thi về sự tồn tại của loài này (Khu Bảo tồn Hữu Liên, rừng thuộc núi Mẫu Sơn và các cánh rừng còn sót lại của huyện Lộc Bình) thuộc tỉnh Lạng Sơn đều chưa tìm ra ghi nhận thêm nào. Có thể loài này đã tuyệt chủng hoàn toàn do mất môi trường sống. Đề xuất mức CR.



Hình 1. *Echo maxima*-mẫu chuẩn duy nhất
(ảnh chụp bởi GS. Jean Legrand thuộc Bảo tàng Tự nhiên Pari do TS. Matti Hamalainen cung cấp)

2. *Atrocalopteryx atrocyana* (Fraser, 1935)

Loài được tìm thấy tại Đồng Mỏ, Chi Lăng, Lạng Sơn (hiện tại nơi sống này đã hoàn toàn biến mất) và gần đây ghi nhận một quần thể tương đối ổn định của loài tại khu vực rừng trên núi đá vôi với độ cao thấp thuộc Khu Bảo tồn thiên nhiên (Khu BTTN) Hữu Liên, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Khu BTTN Hữu Liên hiện còn giữ được một diện tích, với diện tích bị phân cắt do các hoạt động nông nghiệp. Quần thể của loài này tuy có số lượng tương đối ổn định nhưng luôn hiện hữu nguy cơ đe dọa do nơi sống bị phân cắt và thu hẹp bởi các hoạt động nông nghiệp. Do số lượng địa điểm ghi nhận của loài này ít hơn 5, rất gần với tiêu chuẩn của hạng VU, nhưng do quần thể hiện tại tại Hữu Liên ổn định, loài được đề xuất ở mức NT cho lần đánh giá này.

3. *Calopteryx coomani* (Fraser, 1935)

Loài được tìm thấy tại Khu BTTN Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn; Vườn Quốc gia (VQG) Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; xã Việt Vinh, Vị Xuyên và Tây Côn Lĩnh, tỉnh Hà Giang; VQG Ba Vì, Hà Nội; VQG Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Loài này chỉ được ghi nhận tại 06 địa điểm trên toàn Việt Nam, tuy nhiên diện tích của từng khu phân bố <math>< 20\text{km}^2</math> nên loài này được xếp ở thứ hạng NT, gần với thứ hạng VU, do các quần thể tồn tại ở trạng thái tương đối ổn định.

4. *Matrona taii* Phan and Hamalainen, 2011

Loài được ghi nhận lần đầu tại xã Trường Xuân tỉnh Quảng Bình, nhưng sau đó được mô tả dựa trên tiêu bản thu được tại VQG Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Loài được mô tả là loài mới cho

khoa học năm 2011. Do còn thiếu các dẫn liệu về quần thể, nơi sống của loài, nên loài này được xếp ở thứ hạng DD.

5. *Noguchiphaea mattii* Do, 2009

Loài được mô tả năm 2009 dựa trên tiêu bản của 1 cá thể đực duy nhất thu được năm 2006 tại Khu BTTN Hòn Bà, tỉnh Khánh Hòa. Do còn thiếu các dẫn liệu về quần thể, nơi sống của loài, nên loài này được đánh giá ở thứ hạng DD.

HỌ CHLOROCYPHIDAE

1. *Rhinocypha orea* Hämäläinen & Karube, 2001

Loài *R. orea* được ghi nhận tại một điểm duy nhất dưới chân thác Bạc, thị trấn Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên từ năm 2006 đến năm 2010, quần thể được biết duy nhất này bị suy giảm nghiêm trọng do hoạt động canh tác, phá rừng trồng su su phục vụ cho hoạt động du lịch nơi đây. Bên cạnh đó việc phát triển nhà nghỉ tràn lan, thải nước thải trực tiếp xuống suối chính chảy qua thị trấn đã khiến cho nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng. Loài được xếp vào thứ hạng EN.



Hình 2. *Rhinocypha orea* (ảnh: Đỗ Mạnh Cường)

HỌ PLATYCNEMIDIDAE

1. *Coeliccia hoanglienensis* Do, 2007

Loài được mô tả là loài mới cho khoa học năm 2007, dựa trên tiêu bản của 2 cá thể đực thu thập tại VQG Hoàng Liên, Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Do còn thiếu các dẫn liệu về quần thể, nơi sống của loài, nên loài này được xếp ở thứ hạng DD.

2. *Coelliccia mingxiensis* Xu, 2006

Loài được ghi nhận tại VQG Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Thông tin chi tiết về hiện trạng quần thể và phân bố của loài này chưa được điều tra đầy đủ. Tuy nhiên loài này có phân bố khá hẹp và chỉ được tìm thấy tại khu vực rừng ít chịu tác động. Loài này được xếp vào thứ hạng DD.

3. *Indocnemis ambigua* (Asahina, 1997)

Loài được ghi nhận tại VQG Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Thông tin chi tiết về hiện trạng quần thể và phân bố của loài này chưa được điều tra đầy đủ. Tuy nhiên loài có phân bố khá hẹp và chỉ được tìm thấy tại khu vực rừng ít chịu tác động. Do thông tin chi tiết về bảo tồn và các mối nguy cơ còn thiếu nên loài này được xếp ở thứ hạng DD.

HỌ PLATYSTICTIDAE

1. *Protosticta satoi* Asahina, 1997

Loài được ghi nhận tại VQG Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc và VQG Cúc Phương tỉnh Ninh Bình. Do thông tin chi tiết về hiện trạng quần thể và phân bố của loài chưa được điều tra đầy đủ nên loài này được xếp vào thứ hạng DD.

2. *Platycnemis doi* Hamalainen, 2012

Loài được mô tả mới năm 2012 dựa trên các cá thể được thu thập tại KBTTN Hữu Liên, Lạng Sơn. Do thông tin đánh giá bảo tồn loài chưa đầy đủ nên loài này được xếp vào thứ hạng DD.

HỌ AESHNIDAE

1. *Petaliaeschna flavipes* Karube, 1999

Loài được tìm thấy ở Khu BTTN Phia Oắc, tỉnh Cao Bằng, đến nay mới chỉ ghi nhận 2 cá thể đực. Loài được xếp vào thứ hạng VU do có phân bố hẹp và số lượng địa điểm ghi nhận ít hơn 5.

2. *Planaeschna guentherpetersi* Sasamoto, Do and Vu 2013

Loài mới được mô tả năm 2013 dựa trên các cá thể thu thập được tại VQG Xuân Sơn, Phú Thọ. Thông tin đầy đủ về hiện trạng loài vẫn còn thiếu nên loài được xếp vào thứ hạng DD.

3. *Sarasaeschna nūsatoi* (Karube, 1998)

Loài được tìm thấy ở Khu BTTN Phia Oắc, tỉnh Cao Bằng lần đầu vào năm 1998 và lần thứ hai vào năm 2002. Cho đến nay mới chỉ có 4 cá thể trưởng thành ghi nhận năm 1998 và một số ấu trùng ghi nhận năm 2002 tại nơi này. Loài có phân bố hẹp và số lượng điểm phân bố ít nên được xếp vào thứ hạng VU.

HỌ CHLOROGOMPHIDAE

1. *Chlorogomphus nakamurai* Karube, 1995

Loài này được phát hiện ra lần đầu tại VQG Cúc Phương, sau này được ghi nhận thêm tại VQG Ba Vì. Quần thể tại VQG Cúc Phương được ghi nhận một cách khá ổn định tại vùng lõi của Vườn, tuy nhiên quần thể tại VQG Ba Vì dường như kém ổn định hơn và không được ghi

nhận lại kể từ năm 1998. Như vậy loài này được ghi nhận ở 2 điểm, ít hơn 5, nên được xếp ở thứ hạng VU.

2. *Chloropetalia owadai* (Asahina, 1995)

Loài được ghi nhận tại 2 địa điểm là Bản Khoang, Sa Pa, tỉnh Lào Cai (Asahina, 1995) và Khu BTTN Phía Oắc, tỉnh Cao Bằng (Karube, 2002). Thông tin chi tiết về hiện trạng của loài này còn bị thiếu với chỉ 01 mẫu chuẩn được Asahina mô tả, 7 mẫu khác được Karube ghi nhận, nên loài này được xếp ở thứ hạng DD.

3. *Chlorogomphus uenoi* Asahina, 1995

Loài được ghi nhận tại 2 địa điểm là Bản Khoang, Sa Pa, tỉnh Lào Cai và BTTN Phía Oắc, tỉnh Cao Bằng. Loài mới tìm thấy ở 2 điểm, ít hơn 5 điểm, vì vậy loài được xếp vào hạng VU.

HỌ GOMPHIDAE

1. *Burmagomphus schneideri* Do, 2011

Loài được mô tả năm 2011 dựa trên tiêu bản của cá thể đực duy nhất thu được tại khu rừng Giồng, xã Ka Nak, huyện K' Bang, tỉnh Gia Lai. Do chưa có thông tin đầy đủ về hiện trạng quần thể và bảo tồn nên loài này được xếp vào thứ hạng DD.

2. *Davidius monastyrskii* Do, 2005

Loài được mô tả là loài mới cho khoa học năm 2005. Do còn thiếu các dẫn liệu về quần thể, nơi sống của loài, nên loài này được xếp vào thứ hạng DD.

3. *Leptogomphus baolocensis* Karube, 2001

Loài được ghi nhận và mô tả dựa trên tiêu bản thu thập từ Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên thông tin chi tiết về thực trạng bảo tồn cũng như các mối đe dọa đến loài còn thiếu nên loài này được xếp ở thứ hạng DD.

4. *Merogomphus tamdaoensis* Karube, 2001

Loài được ghi nhận với quần thể duy nhất tìm thấy ở VQG Tam Đảo, tuy nhiên các dẫn liệu về hiện trạng quần thể và tình trạng bảo tồn chưa được biết cụ thể, vì vậy loài được xếp ở thứ hạng DD.

5. *Nihonogomphus schorri* Do & Karube, 2011

Loài được mô tả là loài mới cho khoa học năm 2011 dựa trên tiêu bản cá thể đực thu thập tại Khu BTTN Hữu Liên, tỉnh Lạng Sơn và con cái của loài này được mô tả năm 2012 từ cùng địa điểm. Do còn thiếu các dẫn liệu về quần thể, nơi sống của loài nên loài này được xếp ở thứ hạng DD.

III. KẾT LUẬN

Tổng số 22 loài chuồn chuồn (Odonata) của Việt Nam đã được xem xét, đánh giá và đề xuất xếp hạng nguy cơ đe dọa tuyệt chủng theo các tiêu chuẩn và thứ hạng của IUCN. Họ Gomphidae có số lượng loài được đề xuất nhiều nhất với 5 loài; sau đó là họ Calopterygidae với 4 loài.

Loài *Echo maxima* được đánh giá có nguy cơ bị tuyệt chủng cao nhất và loài *Rhinocypha orea* là loài thứ 2 cần được ưu tiên bảo vệ sau loài *E. maxima*.

Lời cảm ơn: Tác giả xin cảm ơn sự hỗ trợ của đề tài độc lập cấp Nhà nước “Điều tra, đánh giá các loài động vật, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng cần được ưu tiên bảo vệ nhằm tu chỉnh Sách Đỏ Việt Nam” (mã số ĐTDL.2011-G/23).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Asahina S.**, 1995. Records of the Northern Vietnamese Odonata taken by the expedition members from National Science Museum, Tokyo.
2. **Asahina S.**, 1996. Records of the northern Vietnamese Odonata taken by the expedition members from the National Sciences Museum, Tokyo 2. Gomphidae. Bull. Natl. Sci. Mus. Ser. A (Zool.) 22 (1): 21-32.
3. **Asahina S.**, 1996. Records of the northern Vietnamese odonata taken by the expedition members from the National Science Museum, Tokyo: 3. Aeschnidae, Corduliidae and Libellulidae. Bull. Natl. Sci. Mus. Ser.A (Zool.) 22 (2): 69-80.
4. **Dom. C.**, 2005. *Davidius monastyrskii* spec. nov. A new dragonfly from northern Vietnam (Anisoptera: Gomphidae). Odonatologica, 34 (3): 285-289.
5. **Dom.C., Buim. H., Nguyen T. H.**, 2011. Anisoptera from Cuc Phuong National Park. International Dragonfly Foundation Report (33): 1-18.
6. **Dom.C.,T.H. Dang**, 2007. Checklist of dragonfly from Vietnam. Vietnam National University Publisher, Hanoi. 192 pp.
7. **Fraser F.C.**, 1924. Indian dragonflies, XIX. Journal of the Bombay natural History Society 30 (1): 106-117.
8. **Karube H.**, 1995. On the genus *Chlorogomphus* (Anisoptera: Chlorogomphidae) of Indochina with description of six new species and little known species. Bull. Kanagawa prefect. Mus. (Nat. Sci.), No 24: 47-62.
9. **Karube H.**, 1999. A new species of the genus *Petaliaeschna* (Odonata, Aeschnidae) from Northern Vietnam. Genkkan-Mushi 338: 6-7.
10. **Karube H.**, 1999. *Planaeschna cucphuongensis* spec. nov. A new dragonfly from northern Vietnam. (Anisoptera: Aeshnidae). Odonatologica, Vol. 28, No. 3: 279-282.
11. **Karube H.**, 2001. Additional records on the genus *Petaliaeschna* of Northern Vietnam, with description of a new species. Tombo, XLII, 2000: 23-25.
12. **Karube H.**, 2001. Three new species of Gomphidae from Vietnam (Anisoptera), Kanagawa Prefectural Museum of Nature History, Odonatologica 30 (3), pp. 271-279.
13. **Karube H.**, 2002. Two new species of the genus *Planaeschna* (Odonata: Aeshnidae) from central Vietnam. Tombo, Mastsumoto, 45 (1/4): 7-11.
14. **Karube H., W. Yeh**, 2001. *Sarasaeschna* gen. nov., with description of female *S. minuta* (Asahina) and male penile structures of *Linaeschna* (Anisoptera: Aeshnidae): 1-7.
15. **Sasamoto Akihiko, Do Cuong, Vu Van Lien**, 2013. Discovery of a new species of the genus *Planaeschna* from Northern Vietnam, with a first description of male *P. tomokunii*. Zootaxa, 3652 (5): 587-594.

A LIST UPDATED THREAT SPECIES OF DRAGONFLIES AND DAMSELFLIES (Odonata) OF VIETNAM

DO MANH CUONG

SUMMARY

Based on the IUCN Red List Categories and Criteria (2001, version 3.1), twenty two species belonging to seven families of dragonflies and damselflies from Vietnam were assessed as nationally threatened species and proposed to be listed in the Vietnam Red Book. Two groups with a high number of threatened species are the Gomphid group with five species and the Calopterygid group with four species. The most endangered species is *Echo maxima*, from Huu Lien, Lang Son province (listed as Critically Endangered). Only one female specimen of this species has been recorded since the original description in 1904 (Critically Endangered). The species *Rhincocypha orea* was assessed as endangered because of its restricted geographic range and degradation of habitat quality. Other species were assessed as vulnerable, near threatened, or Data Deficient.